

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn
2021 - 2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng
bền vững;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo
dõi diễn biến rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây lâm
trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;*

Căn cứ Thông báo số 1124-TB/TU ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Tỉnh ủy tại cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 12 tháng 12 năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 163/TTr-SNN ngày 30/9/2023 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang; nội dung chủ yếu của Phương án sau điều chỉnh, cụ thể như sau:

1. Tên chủ rừng, địa chỉ, vị trí, diện tích:

- Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang.
- Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.
- Vị trí, diện tích: Tổng diện tích quản lý 7.422,12 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 7.420,82 ha, gồm: 6.987,05 ha rừng tự nhiên chiếm 94,15% và 313,89 ha rừng trồng chiếm 4,23% còn lại là đất chưa có rừng thuộc các xã: Năng Khả, Sinh Long và thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Mục tiêu

- Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng hiện có nhằm bảo vệ và điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu, đảm bảo cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học, tạo hệ thực vật rừng có kết cấu tiến tới bền vững.

- Tăng giá trị từ các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Củng cố và tăng cường các mối quan hệ với cộng đồng dân cư địa phương, dựa trên cơ sở hợp tác trong quản lý rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng, thoả mãn các nhu cầu thiết yếu, cơ bản của người dân địa phương sống trong và gần rừng, đóng góp hàng năm cho cộng đồng địa phương nguồn kinh phí ổn định cho các hoạt động phát triển cộng đồng.

3. Kế hoạch

3.1. Kế hoạch sử dụng đất

- Duy trì ổn định diện tích đất: Rừng phòng hộ 7.371,37 ha, rừng đặc dụng 48,73 ha.
- Đất chưa có rừng giảm từ 119,88 ha xuống 41,56 ha.
- Đất có rừng (rừng phòng hộ) tăng từ 7.251,49 ha lên 7.329,81 ha.

- Duy trì ổn định đất rừng sản xuất 0,72 ha.

3.2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

- Hình thức khoán: Theo công việc, dịch vụ.
- Đối tượng khoán: Hộ gia đình, cộng đồng.
- Diện tích giao khoán: 1.169,9 ha, trong đó:
 - + Rừng tự nhiên là 973,81 ha.
 - + Rừng trồng là 196,09 ha.

3.3. Kế hoạch quản lý, bảo vệ phát triển rừng, sử dụng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

3.3.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Quản lý rừng

- Quản lý rừng tự nhiên 6.987,05 ha.
- Quản lý rừng trồng 313,89 ha.
- Quản lý diện tích chưa hình thành rừng 119,88 ha.

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

- Xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy trên diện tích 7.300,94 ha.

- Nội dung phương án phòng cháy và chữa cháy rừng:

+ Thường xuyên, chủ động triển khai các biện pháp đồng bộ về phòng cháy và chữa cháy rừng và chế độ thường trực vào mùa cao điểm.

+ Tổ chức tuyên truyền, tập huấn và diễn tập công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

+ Xây dựng hệ thống biển báo cháy, bảng nội quy, quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy và chữa cháy rừng như: Chòi canh lửa, đường băng cản lửa.

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

- Việc phòng trừ sâu bệnh hại được gắn liền với công tác tuần tra, bảo vệ rừng do lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thực hiện theo kế hoạch, nhiệm vụ.

- Thường xuyên liên hệ với Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để nắm bắt thông tin dự báo về phát sinh, phát triển

của sâu bệnh hại rừng nhằm đề ra các biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp, không để sâu bệnh hại lan ra thành dịch.

- Trang bị kiến thức và tập huấn kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng ảnh viễn thám và vệ tinh để phát hiện sớm các vi sinh vật gây hại rừng ... bên cạnh đó phát huy kiến thức bản địa của người dân địa phương phục vụ công tác quản lý và cảnh báo sớm tình hình sinh vật gây hại rừng.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

- Các phân khu chức năng được số hóa trên bản đồ, in màu cấp cho các địa bàn cơ sở bảo vệ rừng để thuận lợi cho công tác kiểm tra, quản lý bảo vệ rừng.

- Xây dựng, đóng các bảng, biển báo bảo vệ rừng tại những khu vực dễ nhận thấy, đông dân cư, thuận lợi cho công tác kiểm tra, bảo vệ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Điều tra, xác định các loài nguy cấp, quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng trên địa bàn để xây dựng các chương trình bảo tồn và phát triển bền vững.

- Tổ chức tuần tra, kiểm tra, giám sát ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực tới khu vực có giá trị bảo tồn cao.

3.3.2. Kế hoạch phát triển rừng

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: Diện tích 78,32 ha.

- Trồng mới rừng phòng hộ: Diện tích 41,56 ha.

3.3.3. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

- Phối hợp với các trường: Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm Thái nguyên, Đại học Tân Trào... tiến hành các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, điều tra chuyên sâu hệ động vật, thực vật .

- Xây dựng các mô hình trồng dược liệu quý hiếm, có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng, gồm các loài cây: Bình vôi, Đương quy, Đảng sâm, Sa nhân, Cát sâm, Sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương...

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm thực hiện						
	2021	2022	2023	2024	2025	2026-2030	Tổng cộng
1. Kiến thức về quản lý rừng bền vững	1	1	1	1	1	5	10
2. Kiến thức về đánh giá tác động môi trường	1	1	1	1	1	5	10

3. Kiến thức về đánh giá tác động xã hội	1	1	1	1	1	5	10
4. Kiến thức quản lý và kinh doanh rừng cho cộng đồng địa phương	1	1	1	1	1	5	10
5. Liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học		1	1				2
6. Học nâng cao trình độ lên Cao học			1			2	3

3.3.4. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Xây dựng, nâng cấp, mở rộng 03 tuyến du lịch và 07 điểm thăm quan, nghỉ dưỡng, giải trí,...

- Các tuyến, điểm, khu vực xây dựng, mở rộng, nâng cấp thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Nhà nước.

3.3.5. Sản xuất nông, lâm, kết hợp

- Mô hình: Trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

- Diện tích: 42 ha.

- Loài cây: Củ bình vôi, Nghệ các loại, Sa nhân tím, Ba kích, Cát sâm, Thảo quả, Thiên nhiên kiện, Hà thủ ô, Sâm Ngọc Linh, Đẳng sâm, Bảy lá một hoa ...

3.3.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng

Giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đầu tư, xây mới, sửa chữa nâng cấp các hạng mục sau:

Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng

TT	Hạng mục	2021	2022	2023	2024	2025	2026 - 2030	Tổng
1	Xây dựng mới trạm BVR (cái)		1					1
2	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban (lần)			1				1
3	Sửa chữa các Trạm BVR (công trình)		1					1
4	Xây dựng mới chòi canh lửa (cái)		1			1	1	3
5	Xây dựng mới nhà công vụ tại các Trạm BVR (cái)			1	1	1		3
6	Xây dựng mới đường băng cản lửa (km)		5	5	5	5	25	45
7	Xây dựng mới bảng phân định ranh giới rừng (cái)		1	1	1	1	2	6
8	Xây dựng mới bảng tuyên truyền BVR, PCCCR (cái)		1	1	1	1	5	9
9	Xây dựng mới biển báo cấp cháy rừng (cái)			1	1	1	2	5

3.3.7. Hoạt động dịch vụ cộng đồng

a) Dự kiến hỗ trợ cộng đồng

Trong giai đoạn 2021 - 2030, Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang xác định nhu cầu hỗ trợ cộng đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giai đoạn I (2021-2025)					Giai đoạn II (2026-2030)
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Xây dựng nông thôn mới	5	5	5	5	5	20
2	Ứng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam	3	3	3	3	3	15
3	Hỗ trợ người nghèo	3	3	3	3	3	15
4	Ứng hộ quỹ mái ấm Công đoàn	1	1	1	1	1	5
5	Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa	2	2	2	2	2	10
6	Quỹ cứu trợ thiên tai	4	4	4	4	4	20
7	Chăm sóc người cao tuổi	1	1	1	1	1	5
8	Ứng hộ quỹ bảo trợ trẻ em	2	2	2	2	2	10
9	Đóng góp quỹ khuyến học, khuyến tài	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	6
10	Hỗ trợ khác (các hỗ trợ phát sinh)	5	5	5	5	5	25
Tổng cộng		28,2	28,2	28,2	28,2	28,2	131

b) Tổ chức triển khai thực hiện

Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

3.3.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường, thuê môi trường rừng

a) Các dịch vụ được tiến hành

- Cung ứng dịch vụ môi trường rừng.
- Các dịch vụ môi trường rừng khác theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện: Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tổ chức truyền thông, hội nghị, tọa đàm, hội thảo chuyên đề, tập huấn chuyên sâu, lồng ghép trong giao ban, hội họp, đoàn thể; tổ chức hội nghị cấp xã và họp thôn, bản tuyên truyền về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, đặc biệt là tại các vùng trọng điểm dễ cháy rừng, các vùng trọng điểm chặt phá rừng...

- Xây dựng Panô, áp phích, đồng thời sơn sửa bảng hiệu tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng với các nội dung thiết thực, bố trí những địa điểm dễ quan sát, dễ nhìn có tác dụng tuyên truyền cao.

- Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại các điểm dân cư tập trung hay gián tiếp thông qua loa phát thanh của xã.

3.3.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3.3.11. Mua sắm trang thiết bị

Trong giai đoạn 2021 - 2030 Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang xác định nhu cầu mua sắm trang thiết bị như sau:

Nhu cầu mua sắm trang thiết bị

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
1	Mua máy Plycam	Cái	2	90,00
2	Máy tính để bàn	Cái	10	150,00
3	Máy in	Cái	10	50,00
4	Máy quay	Cái	2	30,00
5	Máy ảnh	Cái	5	25,00
6	Máy chiếu	Cái	2	60,00
7	Bàn ghế làm việc	Bộ	6	120,00
8	Tủ đựng tài liệu	Cái	12	72,00
9	Lắp đặt máy quay theo dõi, cảnh báo cháy rừng	Hệ thống	1	200,00
10	Lắp đặt hệ thống mạng trực tuyến phục vụ các cuộc họp	Hệ thống	1	300,00
11	Mua phần mềm FRMS và máy Smartphone	Máy	20	120,00

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
12	Máy lọc nước	Cái	16	96,00
13	Máy Photo	Cái	2	100,00
14	Ống nhôm	Cái	10	40,00
15	Máy định vị GPS	Cái	10	120,00
16	Tivi phục vụ họp trực tuyến	Cái	6	120,00
Cộng				1.693,00

4. Nhu cầu vốn và nguồn đầu tư

4.1. Tổng hợp nhu cầu vốn.

Để đáp ứng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững cho giai đoạn 2021-2030 như đã trình bày ở trên, vốn đầu tư cho luân kỳ là: 124.727,29 triệu đồng, bình quân nhu cầu đầu tư 12.472,729 triệu đồng/năm.

4.2. Nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn 2021 - 2030

- Nguồn vốn ngân sách: 43.744,53 triệu đồng.
- Nguồn vốn liên doanh, liên kết và nguồn vốn hợp pháp khác: 67.446 triệu đồng.
- Nguồn vốn của đơn vị: 13.536,76 triệu đồng.

*(có Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của
Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang sau điều chỉnh kèm theo)*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước (*Xây dựng đề án, dự án, phương án, hồ sơ thiết kế, ... cho từng hạng mục cụ thể trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định; việc chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác để thực hiện các nội dung Phương án này (nếu có) phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và các quy định khác nếu có liên quan*).

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang trong quá trình tổ chức thực hiện Phương án này.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang tổ chức thực hiện Phương án này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang; các nội dung Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang được phê duyệt tại Quyết định số 2107/QĐ-UBND đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Na Hang; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Hang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

